

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
MAY SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018
và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 – 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13 – 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15 – 50

440
ÔNG
F V
CHI
HÀN
O CH
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc ngày vào 30 tháng 06 năm 2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (dưới đây gọi tắt là "Tập đoàn") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty Mẹ" là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 155.556.200.000 đồng, tương đương 15.506.360 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 4.053 người (31/12/2017: 4.058 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc ngày vào 30 tháng 06 năm 2018

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Mẹ trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31/12/2003
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31/12/2003
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	15/04/2009
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04/08/2010
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	12/04/2014
Ông Lâm Quang Thái	Thành viên	12/04/2014
Bà Phan Thị Phụng	Thành viên	12/04/2014

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	15/04/2009
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15/04/2009
Bà Lâm Quang Kiều Phương	Thành viên	12/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Mẹ đã điều hành hoạt động của Công ty Mẹ trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	31/12/2003	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	31/12/2003	-
Bà Lê Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	12/08/2016	01/08/2018
Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2018	-

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Ân	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty Mẹ có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
2	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.
3	Xí Nghiệp May An Nhon	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc ngày vào 30 tháng 06 năm 2018

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán của Tập đoàn bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Tập đoàn.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Tập đoàn đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc ngày vào 30 tháng 06 năm 2018

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Tập đoàn, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ QUANG HÙNG
Chủ tịch



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



TÔ BÙU TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1201-2018-242-1

NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3230-2015-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		881.848.158.861	655.451.445.645
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	81.318.454.635	96.874.718.179
Tiền	111		81.318.454.635	96.874.718.179
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		330.539.904.941	242.436.287.032
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	318.441.925.855	227.709.840.659
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.861.913.688	11.680.276.669
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.236.065.398	3.046.169.704
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	411.254.587.360	266.579.097.044
Hàng tồn kho	141		411.254.587.360	266.579.097.044
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		58.735.211.925	49.561.343.390
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	920.728.717	3.005.047.980
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	56.966.702.422	46.556.295.410
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	847.780.786	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240.603.742.703	252.832.565.111
Các khoản phải thu dài hạn	210		296.814.000	8.789.330.315
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	-	8.495.818.565
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	296.814.000	293.511.750
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		184.190.683.744	188.642.195.692
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	181.462.795.464	185.034.260.550
- Nguyên giá	222		363.673.065.782	355.677.861.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.210.270.318)	(170.643.601.133)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.727.888.280	3.607.935.142
- Nguyên giá	228		6.914.042.415	7.068.909.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.186.154.135)	(3.460.974.158)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		12.052.531.853	11.870.819.364
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	12.052.531.853	11.870.819.364
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.695.785.000	18.641.555.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	4.341.000.000	4.341.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	17.314.330.000	17.314.330.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.10	(2.959.545.000)	(3.013.775.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		25.367.928.106	24.888.664.740
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	25.367.928.106	24.888.664.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.19	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.122.451.901.564	908.284.010.756

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phải được đọc chung với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		809.572.508.657	613.553.627.917
Nợ ngắn hạn	310		780.548.886.809	571.955.716.344
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	207.604.199.321	121.844.190.732
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	4.500.198.710	2.222.401.090
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.14	10.801.214.382	13.041.028.201
Phải trả người lao động	314	5.15	131.340.033.435	76.150.285.188
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	8.515.530.434	11.102.143.874
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	16.726.256.557	14.327.721.661
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	383.478.252.914	316.300.095.183
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	17.583.201.056	16.967.850.415
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		29.023.621.848	41.597.911.573
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	25.589.500.000	35.589.500.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	3.434.121.848	6.008.411.573
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.879.392.907	294.730.382.839
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	312.879.392.907	294.730.382.839
Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.556.200.000	155.556.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.556.200.000	155.556.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.314.942.370	28.314.942.370
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(863.138.686)	(863.138.686)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(842.982.400)	(471.967.012)
Quỹ đầu tư phát triển	418		67.859.802.989	67.859.802.989
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.545.881.612	43.553.911.012
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.936.874.482	4.006.901.523
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.609.007.130	39.547.009.489
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.22	308.687.022	780.632.166
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.122.451.901.564	908.284.010.756

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**


**TRẦN THỊ THU TRÂM****TRẦN THỊ MỸ HẠNH****NGUYỄN ÂN**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘKỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018
và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**Mẫu B02a-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		890.593.070.191	712.733.223.984
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.115.810.934	2.342.930.271
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	886.477.259.257	710.390.293.713
Giá vốn hàng bán	11	6.2	748.845.504.871	612.621.990.247
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.631.754.386	97.768.303.466
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.148.586.949	4.522.867.167
Chi phí tài chính	22	6.4	8.931.194.377	7.157.556.308
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.754.337.701	4.107.373.972
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	27.438.673.421	25.827.478.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	51.945.826.726	29.230.522.512
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		54.464.646.811	40.075.612.982
Thu nhập khác	31	6.6	1.283.624.060	14.457.086.434
Chi phí khác	32	6.7	308.673.265	91.167.128
Lợi nhuận khác	40		974.950.795	14.365.919.306
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.439.597.606	54.441.532.288
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	10.545.625.345	12.112.229.754
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(2.574.289.725)	(1.662.606.792)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.468.261.986	43.991.909.326
Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		47.940.207.130	43.991.909.326
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5.22	(471.945.144)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.092	2.837

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU TRÂM



TRẦN THỊ MỸ HẠNH



NGUYỄN ÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018
và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số: B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	55.439.597.606	54.441.532.288
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.329.332.445	13.419.821.256
- Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(54.230.000)	(101.064.000)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.991.647.876	958.965.259
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.356.072.726)	(12.730.354.831)
- Chi phí lãi vay	06	5.754.337.701	4.107.373.972
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	75.104.612.902	60.096.273.944
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(88.173.738.770)	41.496.457.256
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(144.675.490.316)	(59.250.718.360)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	137.757.746.390	28.874.170.968
- Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	1.605.055.897	2.278.223.724
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.844.014.676)	(3.954.167.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.208.562.733)	(4.086.911.889)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.073.345.889)	(3.871.772.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20	(39.507.737.195)	61.581.555.666
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.674.153.721)	(12.119.156.712)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	945.922.498	14.040.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.967.758.240	6.578.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.760.472.983)	1.927.421.977
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	660.690.219.418	469.510.032.475
Tiền trả nợ gốc vay	34	(606.764.982.935)	(551.543.323.904)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.256.676.500)	(23.256.676.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.668.559.983	(105.289.967.929)

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018
và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(15.599.650.195)	(41.780.990.286)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	96.874.718.179	104.277.219.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	43.386.651	12.264.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	81.318.454.635	62.508.494.271

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ THU TRÂM

TRẦN THỊ MỸ HẠNH

NGUYỄN ÂN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 05 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 030074238 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Tập Đoàn đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Số lượng cổ phiếu: 15.555.620 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty Mẹ là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2018, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là gia công, sản xuất các sản phẩm may mặc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Tập đoàn:

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, ba công ty con và một công ty liên kết, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty Mẹ

Trụ sở hoạt động của Công ty Mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Mẹ có ba đơn vị trực thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
3	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500816433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 08 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Trụ sở đăng ký của Tân Mỹ đặt tại Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Tân Mỹ là may mặc.

Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long ("Sài Gòn – Tường Long"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702566779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 05 năm 2017. Trụ sở đăng ký của Công ty Sài Gòn – Tường Long đặt tại số 5 Đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của Sài Gòn – Tường Long là may mặc.

Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh ("Sài Gòn Xanh") (Tên cũ là Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311908926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 08 năm 2012, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Trụ sở đăng ký của Sài Gòn Xanh đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Sài Gòn Xanh là may mặc.

Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh có một chi nhánh trực thuộc và một công ty con hoạt động tại nước ngoài chi tiết như sau:

- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp may Hà Lam tọa lạc tại Lô B/B2 Cụm Công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ	Số 11100 đường Valley Boulevard, Phòng 222, thành phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.	Hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 564/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 11 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, thay đổi lần thứ hai số 201500059 ngày 13 tháng 11 năm 2017, Công ty đầu tư 100% vốn để thành lập Công ty kinh doanh hàng hóa dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon L.L.C) với vốn đầu tư 600.000 USD tương đương 13.416.000.000 VND.	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 4.053 người (31/12/2017: 4.058 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty Mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, thông tư số 202/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty Mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi có thông tin tài chính đáng tin cậy. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

4.4 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của Công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tập đoàn được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toán bộ cho Tập đoàn và được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi công ty con ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.5 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.6 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và cả chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC, chi tiết như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06 – 10
Dụng cụ quản lý	03 – 08

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC, chi tiết như sau:

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.10 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Giấy phép và giấy nhượng quyền

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy phép triển khai hệ thống an ninh mạng và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 – 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.12 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.15 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.16 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể.

4.17 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17.5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ như sau.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Tập đoàn. Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được sử dụng cho việc khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.20 Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.22 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các dịch vụ, hàng hóa xuất khẩu chịu thuế suất thuế GTGT là 0%. Các dịch vụ, hàng hóa bán nội địa chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.22 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của công ty Mẹ và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.24 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.25 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	246.902.265	307.642.952
Tiền gửi ngân hàng	81.071.552.370	96.567.075.227
- VND	1.194.051.430	1.995.429.163
- USD	79.877.500.940	94.487.132.345
- EUR	-	84.513.719
	81.318.454.635	96.874.718.179

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng USD	3.485.056,76 #	79.877.500.940

5.2 Phải thu khách hàng**a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – bên thứ ba		
- Công ty Columbia Sportswear Company	144.606.775.991	98.894.734.622
- Công ty Promiles S.N.C	91.508.885.698	69.559.821.756
- Công ty New Wave Group SA	19.747.989.351	17.868.155.828
- Công ty Game Guard	24.563.341.768	2.044.201.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.832.002.754	20.889.996.036
Phải thu ngắn hạn của khách hàng - bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Blue Exchange	2.182.930.293	12.526.707.110
- Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	-	3.892.524.958
- Công ty TNHH May mặc Cây dừa	-	2.033.699.349
	318.441.925.855	227.709.840.659

b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu dài hạn của khách hàng - bên liên quan		
- Công ty TNHH May mặc Cây dừa	-	8.495.818.565
	-	8.495.818.565

Tất cả khoản phải thu tại mọi thời điểm không thấp hơn 1.000.000 USD là giá trị tài sản thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho một khoản tiện ích với tổng giá trị tương đương 1.000.000 USD theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số VNM 080613/MR ngày 31/10/2008 (xem thuyết minh 5.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba		
Mustard Seed Holdings Limited	1.573.519.884	-
Công ty Changzhou Foreign Trade Corp.	-	2.753.788.888
Công ty TNHH Dệt Tường Long	-	380.407.980
Các nhà cung cấp khác	3.250.767.367	6.508.453.364
Trả trước cho người bán - Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	2.037.626.437	2.037.626.437
	6.861.913.688	11.680.276.669

5.4 Các khoản phải thu khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bán hàng qua website	3.220.761.490	-	-	-
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	1.610.126.758	-	1.610.126.758	-
Phải thu khác	1.000.000	-	1.238.262.946	-
Tạm ứng nhân viên	404.177.150	-	197.780.000	-
	5.236.065.398	-	3.046.169.704	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ dài hạn	296.814.000	-	293.511.750	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	253.167.029.496	-	158.275.306.287	-
Công cụ, dụng cụ	3.007.651.191	-	1.659.509.348	-
Giá trị sản phẩm dở dang	3.498.988.059	-	3.877.793.885	-
Thành phẩm	125.938.736.827	-	74.997.395.216	-
Hàng hóa	25.642.181.787	-	27.769.092.308	-
Cộng hàng tồn kho	411.254.587.360	-	266.579.097.044	-

Trong đó, Tổng giá trị của hàng hóa trong kho 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh tại mọi thời điểm không được thấp hơn 1.000.000 USD để đảm bảo cho khoản thế chấp trị giá 1.000.000 USD tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) đảm bảo cho khoản vay quy định tại Bản sửa đổi lần thứ 3 của hợp đồng thế chấp số VNM 100291/MS ngày 20/7/2015 (xem thuyết minh 5.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

Công trình	30/06/2018		01/01/2018	
	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xí nghiệp May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch	1.843.383.000	1.843.383.000	1.843.383.000	1.843.383.000
Chi phí xây dựng mở rộng Xưởng May An Phú	189.148.853	189.148.853	-	-
Chi phí hệ thống xử lý nước thải tại Văn phòng Công ty	-	-	7.436.364	7.436.364
	12.052.531.853	12.052.531.853	11.870.819.364	11.870.819.364

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2018	182.129.424.337	147.977.854.241	12.512.372.600	13.058.210.505	355.677.861.683
Mua mới	170.290.368	8.697.855.388	1.204.651.818	132.282.123	10.205.079.697
Thanh lý	-	(1.407.129.258)	(776.867.905)	(34.545.455)	(2.218.542.618)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	8.667.020	8.667.020
Tại 30/06/2018	182.299.714.705	155.268.580.371	12.940.156.513	13.164.614.193	363.673.065.782
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2018	51.472.638.790	100.360.106.853	8.889.310.179	9.921.545.311	170.643.601.133
Khấu hao	3.850.937.788	8.287.176.760	580.893.464	749.624.689	13.468.632.701
Thanh lý	-	(1.093.901.179)	(776.867.905)	(34.545.455)	(1.905.314.539)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	3.351.023	3.351.023
Tại 30/06/2018	55.323.576.578	107.553.382.434	8.693.335.738	10.639.975.568	182.210.270.318
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	130.656.785.547	47.617.747.388	3.623.062.421	3.136.665.194	185.034.260.550
Tại 30/06/2018	126.976.138.127	47.715.197.937	4.246.820.775	2.524.638.625	181.462.795.464

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2018 là 65.500.882.148 VND (01/01/2018: 67.839.305.335 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 với giá trị 96.120.479.243 VND (01/01/2018: 80.991.789.747 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018	6.917.891.118	151.018.182	7.068.909.300
Tăng trong kỳ	45.000.000	-	45.000.000
Chênh lệch tỷ giá	11.192.715	-	11.192.715
Phân loại lại	(166.059.600)	-	(166.059.600)
Giảm trong kỳ	(45.000.000)	-	(45.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	6.763.024.233	151.018.182	6.914.042.415
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2018	3.315.789.311	145.184.847	3.460.974.158
Khấu hao trong kỳ	885.194.524	3.181.818	888.376.342
Phân loại lại	(138.383.002)	-	(138.383.002)
Giảm trong kỳ	(32.676.598)	-	(32.676.598)
Chênh lệch tỷ giá	7.863.235	-	7.863.235
Tại ngày 30/06/2018	4.037.787.470	148.366.665	4.186.154.135
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	3.602.101.807	5.833.335	3.607.935.142
Tại ngày 30/06/2018	2.725.236.763	2.651.517	2.727.888.280

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 với giá trị 211.179.783 VND (01/01/2018: 119.200.000 VND).

5.9 Đầu tư vào Công ty liên kết

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty cổ phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.341.000.000

Công ty Cổ Phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Phú Mỹ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng quản trị của công ty liên kết, do đó phần lãi/(lỗ) của Tập đoàn trong công ty liên kết vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018				01/01/2018			
	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư cổ phiếu								
Công ty CP da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	-	(*)	98.155	1.919.150.000	-	(*)
Ngân hàng TMCP Việt Á	207.701	3.998.050.000	(2.959.545.000)	1.038.505.000	207.701	3.998.050.000	(3.013.775.000)	984.275.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.266	1.269.730.000	-	1.269.730.000	25.266	1.269.730.000	-	1.269.730.000
Công ty CP ĐT PT Gia Định	843.950	10.127.400.000	-	(*)	843.950	10.127.400.000	-	(*)
	1.175.072	17.314.330.000	(2.959.545.000)	(*)	1.175.072	17.314.330.000	(3.013.775.000)	(*)

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.11 Chi phí trả trước**5.11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí thiết kế	99.702.000	1.098.278.812
Chi phí mẫu sản phẩm	779.351.052	612.350.958
Chi phí in quảng cáo	8.509.050	139.158.567
Chi phí khác	33.166.615	1.155.259.643
	920.728.717	3.005.047.980

5.11.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ	1.960.286.046	2.070.240.237
Tiền thuê đất	14.975.505.059	15.162.341.714
Máy móc thiết bị không đủ điều kiện TSCĐ	6.252.502.038	5.075.389.589
Phần mềm máy vi tính	833.870.010	1.508.946.672
Chi phí khác	1.345.764.953	1.071.746.528
	25.367.928.106	24.888.664.740

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn - Bên thứ ba				
Công ty Desipro Pte. Ltd.	86.204.068.419	86.204.068.419	35.166.571.663	35.166.571.663
Công ty TNHH YKK Việt Nam	34.500.623.688	34.500.623.688	19.813.928.197	19.813.928.197
Công ty N.I.Teijin Shoji	19.497.780.836	19.497.780.836	7.834.332.542	7.834.332.542
Công ty TNHH Công nghiệp Dệt Hüge Bamboo	6.998.621.422	6.998.621.422	7.765.661.785	7.765.661.785
Công ty TNHH Promax Textile (Việt Nam)	2.423.403.145	2.423.403.145	5.097.333.754	5.097.333.754
Các nhà cung cấp khác	54.080.276.359	54.080.276.359	40.751.388.294	40.751.388.294
Phải trả người bán ngắn hạn - Bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Phú Mỹ	3.899.425.452	3.899.425.452	3.893.924.847	3.893.924.847
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	-	-	1.246.584.250	1.246.584.250
Công ty TNHH Trà Tân	-	-	79.226.400	79.226.400
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	-	-	195.239.000	195.239.000
	207.604.199.321	207.604.199.321	121.844.190.732	121.844.190.732

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Seeland International A/A	3.466.833.605	-
Các khách hàng khác	1.033.365.105	2.222.401.090
	4.500.198.710	2.222.401.090

5.14 Thuế và khoản phải thu và phải trả Nhà Nước**5.14.1 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	01/01/2018	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2018
	Phải thu	Tăng	Giảm	Phải thu
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	46.556.295.410	38.530.888.471	28.120.481.459	56.966.702.422
Thuế tài nguyên	-	23.961.600	23.961.600	-
Tiền thuế đất	-	1.930.801.468	1.083.020.682	847.780.786
	46.556.295.410	40.485.651.539	29.227.463.741	57.814.483.208

5.14.2 Thuế và khoản phải trả Nhà Nước

	01/01/2018	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2018
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ Kết chuyển	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.577.787.766	10.952.041.739	10.961.768.838	1.568.060.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.553.554.374	10.545.625.345	10.208.562.733	8.890.616.986
Thuế thu nhập cá nhân	2.835.510.433	3.201.643.939	5.742.804.059	294.350.313
Thuế nhà thầu	74.175.628	162.672.466	188.661.678	48.186.416
Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
	13.041.028.201	24.861.983.489	27.101.797.308	10.801.214.382

5.15 Phải trả người lao động

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền lương và các khoản phải trả người lao động	131.340.033.435	76.150.285.188

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền lương phép năm	6.248.775.552	9.296.585.928
Chi phí phải trả hàng FOB	656.003.589	507.060.880
Trích chi phí lãi vay	401.062.783	678.344.202
Phí thương quyền	997.964.404	-
Phải trả khác	211.724.106	620.152.864
	8.515.530.434	11.102.143.874

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.17 Phải trả, phải nộp khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn, các loại bảo hiểm	2.859.593.581	1.514.347.055
Công ty CP đầu tư địa ốc Duy Đức - Sài Gòn	9.000.000.000	-
Trần Bích Hường	4.200.000.000	-
Công ty CP Đầu tư TM & DV Hòa Lợi	-	9.000.000.000
Phải trả khác	666.662.976	3.813.374.606
	16.726.256.557	14.327.721.661

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2018				01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	8.647.118.691	8.647.118.691	10.472.688.793	3.094.045.310	1.268.475.208	1.268.475.208
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – C.N Hồ Chí Minh	370.644.134.223	370.644.134.223	628.033.699.227	513.220.111.464	255.830.546.460	255.830.546.460
Ngân hàng First Commercial – C.N TP. Hồ Chí Minh	-	-	17.740.766.719	68.567.840.234	50.827.073.515	50.827.073.515
Cộng: vay dài hạn đến hạn trả	4.187.000.000	4.187.000.000	-	4.187.000.000	8.374.000.000	8.374.000.000
	383.478.252.914	383.478.252.914	656.247.154.739	589.068.997.008	316.300.095.183	316.300.095.183

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản phải thu cũng như hàng hóa trong kho trị giá 2.000.000 USD (xem thuyết minh 5.2 và 5.5).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không áp dụng biện pháp đảm bảo.

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018				01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – C.N Hồ Chí Minh	29.776.500.000	29.776.500.000	2.107.000.000	16.294.000.000	43.963.500.000	43.963.500.000
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(4.187.000.000)	(4.187.000.000)	4.187.000.000	-	(8.374.000.000)	(8.374.000.000)
	25.589.500.000	25.589.500.000	6.294.000.000	16.294.000.000	35.589.500.000	35.589.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam bao gồm 2 khoản vay như sau:

Tại Công ty mẹ: Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 007/KHDN2/16CD ngày 02 tháng 02 năm 2016 nhằm mục đích Mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Blue Exchange tại Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh (nay là Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh). Khoản vay này được đảm bảo bằng cầm cố bổ sung quyền góp vốn của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn trong Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh theo hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 0012/NHNT-TC ngày 02 tháng 02 năm 2016.

Tại Công ty Sài Gòn Xanh: Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 42.521.000.00 đồng với thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số dư tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 là 9.760.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay để thực hiện dự án nhà máy may công nghiệp Sài Gòn Xanh – giai đoạn 2 tại địa chỉ số lô B/B2 Cụm Công Nghiệp Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất còn lại tại địa chỉ số lô B/B2 Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- Tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng cũ còn lại;
- Tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng và thiết bị mới hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN/HN**
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**5.19 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.434.121.848	6.011.095.254
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(2.683.681)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>3.434.121.848</u>	<u>6.008.411.573</u>

5.20 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2018 VND	Trích lập quỹ VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2018 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>16.967.850.415</u>	<u>4.598.955.864</u>	<u>(3.983.605.223)</u>	<u>17.583.201.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B09a-DN/HN**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

5.21 Vốn chủ sở hữu**5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2017	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(537.935.735)	67.859.802.989	28.182.853.286	-	278.512.724.224
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	65.699.369.489	(919.367.834)	64.780.001.655
Chi cổ tức đợt 2 năm 2016	-	-	-	-	-	(23.259.540.000)	-	(23.259.540.000)
Chi cổ tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	-	-	(23.259.540.000)	-	(23.259.540.000)
Chi khen thưởng HĐQT và Cán bộ chủ chốt năm 2016	-	-	-	-	-	(916.411.763)	-	(916.411.763)
Chi khen thưởng HĐQT và Cán bộ công chức, thủ lao hội đồng quản trị năm 2017	-	-	-	-	-	(1.890.668.000)	-	(1.890.668.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS 2017	-	-	-	-	-	(1.002.152.000)	-	(1.002.152.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	65.968.723	-	-	-	65.968.723
Số dư tại 31/12/2017	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802.989	43.533.911.012	780.632.166	294.730.382.839
Số dư tại 01/01/2018	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802.989	43.533.911.012	780.632.166	294.730.382.839
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	47.940.207.130	(471.945.144)	47.468.261.986
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.598.955.864)	-	(4.598.955.864)
Chi cổ tức đợt 2 năm 2017	-	-	-	-	-	(23.259.540.000)	-	(23.259.540.000)
Chi khen thưởng HĐQT và Cán bộ công chức, thủ lao hội đồng quản trị năm 2017	-	-	-	-	-	(758.540.666)	-	(758.540.666)
Chi thù lao HĐQT và BKS 2018	-	-	-	-	-	(331.200.000)	-	(331.200.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(371.015.388)	-	-	-	(371.015.388)
Số dư tại 30/06/2018	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(842.982.400)	67.859.802.989	62.545.881.612	308.687.022	312.879.392.907

Theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2017 ngày 21/04/2018 và Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHCD 18 ngày 21/04/2017 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo quy định (xem Thuyết minh 5.21.4)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN/HN**
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền số 379/2018-GMC/VSD-ĐK ngày 21 tháng 04 năm 2018 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã tổng hợp cơ cấu cổ đông như sau:

Cổ đông	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông trong nước, trong đó:			
+ Cá nhân	8.089.207	80.892.070.000	52,00%
+ Tổ chức	5.112.136	51.121.360.000	32,86%
- Cổ đông nước ngoài, trong đó			
+ Cá nhân	990.125	9.901.250.000	6,37%
+ Tổ chức	1.314.892	13.148.920.000	8,45%
- Cổ phiếu quỹ	49.260	492.600.000	0,32%
Cộng	15.555.620	155.556.200.000	100%

5.21.3 Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.555.620	15.555.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.555.620	15.555.620
Cổ phiếu phổ thông	15.555.620	15.555.620
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
Cổ phiếu phổ thông	49.260	49.260
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.506.360	15.506.360
Cổ phiếu phổ thông	15.506.360	15.506.360

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5.21.4 Phân phối lợi nhuận

Theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2017 ngày 21/04/2018 và Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ 18 ngày 21/04/2018 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017. Tại ngày 30/06/2018, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	VND	VND
	Được duyệt	Đã chi
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cán bộ chủ chốt năm 2017	2.337.373.276	2.337.373.276
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.313.987.390	1.313.987.390
Chi 15% cổ tức đợt 1 năm 2017 (đã chi ngày 11/09/2017)	23.259.540.000	23.259.540.000
Chi 15% cổ tức đợt 2 năm 2017 (đã chi ngày 19/04/2018)	23.259.540.000	23.259.540.000
	46.519.080.000	46.519.080.000

5.22 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long được xác định như sau:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
Vốn điều lệ của công ty con (Sài Gòn – Tường Long)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty Mẹ	10.200.000.000	10.200.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	9.800.000.000	9.800.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	49%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 như sau:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng tài sản	569.892.368	2.339.523.664
Tổng nợ phải trả	(9.306.609)	(815.784.549)
Tài sản thuần	560.585.759	1.523.739.115

Chi tiết như sau:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn điều lệ đã góp	3.400.000.000	3.400.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(2.839.414.241)	(1.876.260.885)
	560.585.759	1.523.739.115

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

30/06/2018 VND 01/01/2018 VND

Chi tiết như sau:

Vốn điều lệ đã góp	1.700.000.000	1.700.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.391.312.978)	(919.367.834)
	308.687.022	780.632.166

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ của Sài Gòn – Tường Long	(963.153.356)	-
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát	(471.945.144)	-

5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2018 Ngoại tệ	01/01/2018 Ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	3.485.056,76	4.168.573,89
Euro (EUR)	-	3.129,79

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	877.029.756.484	697.919.227.216
Doanh thu bán hàng nội địa	13.284.629.167	14.374.526.301
Doanh thu cung cấp dịch vụ	278.684.540	439.470.467
	890.593.070.191	712.733.223.984
Các khoản giảm trừ:		
Hàng bán trả lại	(175.588.057)	-
Giảm giá hàng bán	(3.940.222.877)	(2.342.930.271)
Doanh thu thuần	886.477.259.257	710.390.293.713

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	2.160.070.141	414.763.040
Công ty TNHH May mặc Cây Dừa	626.315.891	-
	2.786.386.032	414.763.040

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn của hàng bán	748.845.504.871	612.621.990.247

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi	4.669.240	6.578.689
Cổ tức được chia	1.963.089.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.180.828.709	4.516.288.478
	5.148.586.949	4.522.867.167

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	5.754.337.701	4.107.373.972
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.239.438.800	2.192.281.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.991.647.876	958.965.259
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	(54.230.000)	(101.064.000)
	8.931.194.377	7.157.556.308

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	34.636.316.873	12.355.881.307
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.280.855.884	2.010.559.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.063.012.976	4.627.544.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.221.318.069	7.156.021.339
Chi phí bằng tiền khác	2.744.322.924	3.080.516.192
	51.945.826.726	29.230.522.512

b) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	951.755.620	1.008.610.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.631.721.342	24.818.867.976
Chi phí khác	3.855.196.459	-
	27.438.673.421	25.827.478.831

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	605.293.133	12.723.776.142
Thu nhập khác	678.330.927	1.733.310.292
	1.283.624.060	14.457.086.434

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí khác	308.673.265	91.167.128

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.439.597.606	54.441.532.288
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	944.352.620	2.696.357.238
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(11.068.710.164)	(118.343.325)
Chuyển lỗ	-	(155.417.901)
Thu nhập được miễn từ dự án đầu tư mở rộng	(6.311.336.335)	-
Thu nhập chịu thuế	39.003.903.727	56.864.128.300
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.741.773.309	14.186.307.587
Giảm trừ thuế (50%)	(196.147.964)	(2.074.077.833)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.545.625.345	12.112.229.754

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Trong đó		
- Công ty Mẹ	9.119.779.165	10.140.814.981
- Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	1.229.698.216	1.499.826.214
- Công ty TNHH May Tân Mỹ	196.147.964	471.588.559

Công ty Mẹ và Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án đầu tư tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ - Công ty con của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế Hoa Kỳ.

Công ty TNHH May Tân Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm từ năm đầu tiên hoạt động và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Theo giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% trong bảy (07) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.574.289.725	1.662.606.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
	2.574.289.725	1.662.606.792

6.10 Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty Mẹ	47.940.207.130	43.991.909.326
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	43.341.251.266	43.991.909.326
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.506.360	15.506.360
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.092	2.837

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	15.506.360	15.506.360
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.506.360	15.506.360

6.11 Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	565.256.640.083	423.863.992.449
Chi phí nhân công	300.021.643.494	224.760.752.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.329.332.445	13.433.239.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.692.361.426	139.950.547.749
Chi phí khác	13.580.390.650	10.513.478.416
	1.061.880.368.098	812.522.011.191

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền 159.906.250 đồng giá trị tài sản mua sắm trong năm đã ứng trước cho nhà cung cấp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền 1.094.248.050 đồng giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong năm là vay từ các ngân hàng thương mại trong nước.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1. Công cụ tài chính**

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.318.454.635	-	81.318.454.635
Phải thu khách hàng	318.441.925.855	-	318.441.925.855
Đầu tư	-	17.314.330.000	17.314.330.000
Phải thu khác	4.831.888.248	-	4.831.888.248
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(2.959.545.000)	(2.959.545.000)
Tổng cộng	404.592.268.738	14.354.785.000	418.947.053.738
Ngày 30/06/2018			
Vay	383.478.252.914	25.589.500.000	409.067.752.914
Phải trả người bán	207.604.199.321	-	207.604.199.321
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.092.306.608	-	16.092.306.608
Tổng cộng	607.174.758.843	25.589.500.000	632.764.258.843
Chênh lệch thanh khoản thuần	(202.582.490.105)	(11.234.715.000)	(213.817.205.105)
Ngày 01/01/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.874.718.179	-	96.874.718.179
Phải thu khách hàng	227.709.840.659	8.495.818.565	236.205.659.224
Đầu tư	-	17.314.330.000	17.314.330.000
Phải thu khác	2.848.389.704	-	2.848.389.704
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(3.013.775.000)	(3.013.775.000)
Tổng cộng	327.432.948.542	22.796.373.565	350.229.322.107
Ngày 01/01/2018			
Vay	316.300.095.183	35.589.500.000	351.889.595.183
Phải trả người bán	121.844.190.732	-	121.844.190.732
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	14.583.548.302	-	14.583.548.302
Tổng cộng	452.727.834.217	35.589.500.000	488.317.334.217
Chênh lệch thanh khoản thuần	(125.294.885.675)	(12.793.126.435)	(138.088.012.110)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

i. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	318.441.925.855	236.205.659.224	318.441.925.855	236.205.659.224
<i>Các khoản phải thu khác</i>	4.831.888.248	2.848.389.704	4.831.888.248	2.848.389.704
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn (*)</i>	17.314.330.000	17.314.330.000	(*)	(*)
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	81.318.454.635	96.874.718.179	81.318.454.635	96.874.718.179
Tổng cộng	421.906.598.738	353.243.097.107	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Các khoản vay</i>	409.067.752.914	351.889.595.183	409.067.752.914	351.889.595.183
<i>Phải trả người bán</i>	207.604.199.321	121.844.190.732	207.604.199.321	121.844.190.732
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả</i>	16.092.306.608	14.583.548.302	16.092.306.608	14.583.548.302
Tổng cộng	632.764.258.843	488.317.334.217	632.764.258.843	488.317.334.217

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN/HN**
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu trúc phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

ii. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

8.2. Báo cáo bộ phận

8.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc và chủ yếu là xuất khẩu (hơn 90%). Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

8.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

8.3. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tập đoàn ký hợp đồng cam kết mua nguyên vật liệu với bên thứ ba với trị giá là 12.052.332.248 đồng.

8.4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (ngày 30 tháng 06 năm 2018) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8.5. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Con Đường Xanh	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Trà Tân	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghệp vụ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
			VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Phí duy trì hạ tầng, xử lý nước thải, nước sinh hoạt	194.405.622	192.829.985
Công ty TNHH MTV May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Doanh thu bán nguyên vật liệu	626.315.891	-
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Doanh thu bán thành phẩm	2.160.070.141	414.763.040

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghệp vụ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng	2.182.930.293	12.526.707.110
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	- -	3.892.524.958 1.246.584.250
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	- -	10.529.517.914 195.239.000
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Phải trả người bán Trả trước người bán	3.899.425.452 2.037.626.437	3.893.924.847 2.037.626.437
Công ty TNHH Trà Tân	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải trả người bán	-	79.226.400

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lương, thưởng	2.540.145.430	3.468.588.109

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B09a-DN/HN**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

8.6. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ chi tiết như sau:

Kỳ tài chính kết thúc 30/06/2018	Công ty CP SX TM May Sài Gòn VND	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh VND	Công ty TNHH May Tân Mỹ VND	Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	857.870.868.488	137.101.232.050	76.805.984.487	1.098.556.805	(186.399.382.573)	886.477.259.257
Giá vốn hàng bán	762.923.523.343	105.475.954.899	64.045.049.044	1.693.407.679	(185.292.430.094)	748.845.504.871
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.947.345.145	31.625.277.151	12.760.935.443	(594.850.874)	(1.106.952.479)	137.631.754.386
Doanh thu hoạt động tài chính	11.395.693.455	1.889.453	34.741.185	214.932	(6.283.952.076)	5.148.586.949
Chi phí tài chính	(4.471.372.318)	523.154.000	8.736.763	-	12.870.675.932	8.931.194.377
Chi phí bán hàng	15.779.161.718	10.493.314.101	1.122.210.307	43.987.295	-	27.438.673.421
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.851.630.775	3.919.960.811	9.107.108.478	376.100.762	(1.308.974.100)	51.945.826.726
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.183.618.425	16.690.737.692	2.557.621.080	(1.014.723.999)	(18.952.606.387)	54.464.646.811

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN/HN**
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

8.7. Thông tin so sánh

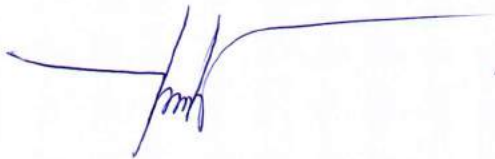
Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU TRÂM

TRẦN THỊ MỸ HẠNH

NGUYỄN ÂN